|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Số: /QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;*

*Căn cứ kết quả thẩm định**“Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số XXXX/BKHĐT-KTCN ngày XX tháng XX năm 2023;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” (sau đây gọi tắt là Chiến lược phát triển TKV) với các nội dung chủ yếu sau:

## I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) thành Tập đoàn kinh tế mạnh, đóng góp vai trò quan trọng vào sự phát triển của kinh tế nhà nước; duy trì vị trí then chốt là một trong ba trụ cột đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Tập đoàn hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế để làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

2. Phát triển đồng bộ và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu các ngành, nghề kinh doanh chính: Công nghiệp than; khoáng sản - luyện kim; điện lực; vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) và các ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; ngành nghề do TKV đang đầu tư vốn kinh doanh; các ngành nghề được cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung theo điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn được Chính phủ ban hành.

3. Đảm bảo hài hoà giữa thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội được Chính phủ giao và hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV. Phát triển TKV bền vững theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hài hoà giữa khai thác sử dụng tài nguyên và trách nhiệm bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Đẩy nhanh các hoạt động thăm dò, đánh giá tài nguyên, trữ lượng than - khoáng sản của TKV được giao quản lý để chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho đầu tư phát triển bền vững ngành than và ngành khoáng sản - luyện kim, đáp ứng đủ và kịp thời cho nhu cầu khai thác và sử dụng của nền kinh tế. Khai thác, chế biến than - khoáng sản phải đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; phát thải các - bon thấp và thân thiện môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài; hướng tới mục tiêu trung hoà các - bon vào năm 2050. Khai thác khoáng sản gắn với chế biến sâu khoáng sản nhằm gia tăng chuỗi giá trị, tạo ra sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao; bảo đảm an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia.

5. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu TKV với mô hình kinh doanh và tổ chức hiệu quả, gọn nhẹ, chuyên môn hóa cao. Phát triển sản xuất kinh doanh bền vững gắn với mục tiêu phát triển con người, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động; đảm bảo đời sống và quyền lợi, cơ hội phát triển cho người lao động. Tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển đổi nghề nghiệp; quản trị doanh nghiệp hiện đại, áp dụng các mô hình đạt chuẩn mực quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và phù hợp với công cuộc phát triển đất nước, các cam kết và hội nhập sâu rộng của Việt Nam với khu vực và thế giới.

6. Nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư ra nước ngoài để khai thác, nhập khẩu than - khoáng sản đáp ứng nhu cầu nền kinh tế (đặc biệt là những chủng loại than Việt Nam phải nhập khẩu). Xuất khẩu than - khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; nhu cầu sử dụng của nền kinh tế quốc dân. Đầu tư phát triển và duy trì ổn định lâu dài các dự án khai thác, chế biến than và khoáng sản. Đẩy mạnh phát triển ngành khai thác bô - xít, chế biến alumin và luyện nhôm; khai thác và chế biến sắt, titan, đất hiếm để đảm bảo phát triển TKV cân bằng, phù hợp với tình hình mới.

**II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

## 1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng và phát triển TKV trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh, kinh doanh bền vững, hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn sở hữu nhà nước đầu tư tại TKV và vốn của TKV đầu tư vào các doanh nghiệp khác; có năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực; vững mạnh về tài chính; mô hình tổ chức, quản lý, quản trị hiện đại và chuyên môn hóa cao, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa (CGH), tự động hóa (TĐH) và chuyển đổi số (CĐS); phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy truyền thống “*Kỷ luật và Đồng tâm*”; từng bước thực hiện đổi mới, sáng tạo; giữ vai trò chủ đạo trong việc sản xuất và cung ứng than, khai thác - chế biến, kinh doanh khoáng sản bô xít, đồng, chì-kẽm, sắt, titan, đất hiếm v.v.; sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng ngành, nghề kinh doanh chính và các ngành, nghề liên quan theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.

- Phấn đấu đến năm 2030 trở thành Tập đoàn kinh tế có quy mô trung bình, đến năm 2045 trở thành Tập đoàn kinh tế quy mô lớn trong khu vực Đông Nam Á.

## 2. Mục tiêu cụ thể

***2.1. Về công nghiệp than***

- Giai đoạn 2021 - 2030: Sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu đến 20 triệu tấn/năm; xuất khẩu khoảng 1 - 3 triệu tấn/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045: Duy trì sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu tăng đến trên 20 triệu tấn/năm và sau đó giảm dần theo nhu cầu thị trường trong nước; xuất khẩu khoảng 3 - 5 triệu tấn/năm.

***2.2. Về công nghiệp khoáng sản - luyện kim***

\* Giai đoạn 2021 - 2030:

- Sản phẩm từ quặng bôxít: alumin 1,4 - 4,0 triệu tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng titan: tinh quặng ilmmenit 160 ngàn tấn/năm; xỉ titan: 50-100 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn: 15 - 35 ngàn tấn/năm; pigment: 50 - 100 ngàn tấn/năm; titan xốp/titan kim loại: 10 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng chì - kẽm: kẽm thỏi: 12 - 15 ngàn tấn/năm; chì thỏi: 5 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng sắt: tinh quặng sắt: 270 ngàn - 6 triệu tấn/năm (trong đó dùng trong sản xuất phôi thép 390 ngàn - 4 triệu tấn/năm); phôi thép: 200 ngàn - 2.220 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng thiếc: phấn đấu đạt 300 tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng cromit: ferocrom phấn đấu đạt 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng đồng: đồng catot 18,2 - 30 ngàn tấn/năm và các sản phẩm đi kèm (vàng thỏi 664 - 940 kg/năm; bạc thỏi 670-1.150 kg/năm).

- Quặng đất hiếm: quặng tinh đất hiếm (TR2O3 ≥30%): 30 - 80 ngàn tấn/năm.

\* Giai đoạn 2031 - 2045:

- Sản phẩm từ quặng bô xít: alumin 4,0 - 10,0 triệu tấn/năm (trong đó dùng cho điện phân nhôm khoảng 1,8 triệu tấn/năm); nhôm thỏi: 900 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng titan: xỉ titan 100 - 150 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn: 30-60 ngàn tấn/năm; pigment: 100 - 150 ngàn tấn/năm; titan xốp/titan kim loại: 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng chì - kẽm: kẽm thỏi 15 ngàn tấn/năm; chì thỏi 5 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng sắt: tinh quặng sắt 7,0 - 10,0 triệu tấn/năm (trong đó dùng cho sản xuất phôi thép khoảng 4,0 triệu tấn/năm); phôi thép 2.220 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng thiếc: thiếc thỏi 300 tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng cromit: ferocrom 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng đồng: đồng tấm ≥ 30 ngàn tấn/năm và các sản phẩm đi kèm (vàng thỏi ≥ 940 kg/năm; bạc thỏi ≥ 1.150 kg/năm).

- Quặng đất hiếm: tổng oxit đất hiếm/ô xít đất hiếm riêng rẽ (TR2O3/REO≥95-99%): 20-30 ngàn tấn/năm.

***2.3. Công nghiệp điện***

- Giai đoạn 2021 - 2030: đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương II để nâng tổng công suất đặt các nhà máy điện của TKV lên 1.845 MW; sản lượng điện phát: 10 - 11 tỷ kWh/năm; nghiên cứu công nghệ chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than...

- Giai đoạn 2031 - 2045: phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch để tự cung, phù hợp với phát triển công nghiệp nhôm tại Tây Nguyên; tối đa hóa chuỗi giá trị dịch vụ phát điện - sửa chữa - cung cấp, thay thế phụ tùng thiết bị; nghiên cứu thực hiện chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than hiện có theo lộ trình phù hợp...

***2.4. Vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất***

- Giai đoạn 2021 - 2030: sản lượng thuốc nổ 75.000 - 61.000 tấn/năm (giảm dần theo nhu cầu thị trường); sản lượng amoni nitrat và tiền chất thuốc nổ khác 172.000 - 205.000 tấn/năm; amoniac 100.000 - 150.000 tấn/năm (sau năm 2025).

- Giai đoạn 2031 - 2045: sản lượng thuốc nổ 61.000 - 50.000 tấn/năm (giảm dần theo nhu cầu thị trường); sản lượng amoni nitrat và tiền chất thuốc nổ khác 205.000 tấn/năm; amoniac 200.000 - 300.000 tấn/năm.

***2.5. Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính***

- Công nghiệp cơ khí: Đẩy mạnh chế tạo thiết bị mỏ, tiến đến chủ động được đa số các thiết bị, phụ tùng cho các thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến (sàng - tuyển) than và khoáng sản.

- Công nghiệp vật liệu xây dựng: Duy trì sản lượng sản xuất vật liệu xây dựng, nghiên cứu đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng xanh từ các nguồn xít thải nhà máy tuyển than, tro xỉ nhà máy nhiệt điện và chất thải rắn của quá trình khai thác than, khoáng sản phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế tuần hoàn.

- Các ngành nghề khác: Cung cấp dịch vụ xây lắp mỏ, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông; thăm dò, khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, thí nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo; dịch vụ cảng biển, kho bãi, logistic; dịch vụ y tế khám chữa bệnh nghề nghiệp...

***2.6. Mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận***

*\* Doanh thu:*

- Giai đoạn 2021 - 2030 là: 130 - 200 ngàn tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045 là: 200 - 300 ngàn tỷ đồng/năm, bình quân tăng 5%/năm.

*\* Lợi nhuận:*

- Giai đoạn 2021 - 2030 là: 3,5 - 6 ngàn tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045 là 6 - 7 ngàn tỷ đồng/năm.

## III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

**1. Định hướng chiến lược phát triển các lĩnh vực**

***1.1. Định hướng phát triển sản phẩm***

- Tăng cường phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao theo hướng chế biến sâu, nâng cao hàm lượng công nghệ và chất lượng.

- Tập trung phát triển các sản phẩm chính đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế quốc dân đi đôi với xuất khẩu các sản phẩm có thế mạnh: than, nhiên liệu từ than, đồng, chì-kẽm, ti-tan, phôi thép, alumin, nhôm thỏi, tiền chất sản xuất thuốc nổ, VLNCN và hóa chất mỏ trên nền than - khoáng sản, vật liệu xây dựng và công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm tái chế từ chất thải.

- Tăng cường tạo ra các sản phẩm sạch hơn, thân thiện với môi trường trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ chế biến than, khoáng sản và công nghệ tái chế để tái sử dụng chất thải.

***1.2. Định hướng thị trường***

- Công nghiệp than: Tham gia tích cực thị trường năng lượng cạnh tranh trong nước. Đa dạng hóa nguồn than nhập khẩu (*gồm cả đầu tư mỏ tại nước ngoài*) phục vụ kinh doanh, đáp ứng nhu cầu than cho các nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) có cam kết với TKV và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Giữ vững vai trò TKV là một trong những đầu mối nhập khẩu than lớn nhất.

- Công nghiệp khoáng sản - luyện kim: Tiếp tục ưu tiên củng cố thị trường nội địa, trên cơ sở đó mở rộng và phát triển ra thị trường quốc tế.

- Công nghiệp điện:Khai thác triệt để các cơ hội thị trường để tối đa hoá lợi nhuận bằng chiến lược chào giá. Tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, nghiên cứu phương án, giải pháp để các nhà máy điện của TKV có thể bán điện đầu vào trực tiếp cho các hộ tiêu thụ lớn trong Tập đoàn để tối ưu hoá nguồn lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của hệ sinh thái TKV.

- VLNCN và hóa chất:Củng cố, phát triển để chiếm lĩnh tối đa thị trường cung ứng VLNCN, dịch vụ nổ mìn trong nước. Duy trì là nhà cung cấp chủ yếu về nguyên liệu, tiền chất thuốc nổ để sản xuất VLNCN trong nước. Tiếp tục tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm VLNCN, tiền chất thuốc nổ ra các nước trong khu vực. Hình thành phát triển kênh phân phối VLXD, kinh doanh vật tư thiết bị, hoá chất, dịch vụ tư vấn kỹ thuật công nghệ, Logistics, sản xuất phân bón, bao bì...

***1.3. Định hướng đầu tư***

- Đầu tư tăng năng lực sản xuất và phát triển các sản phẩm chính.

- Đầu tư duy trì sản xuất ổn định các dự án đã triển khai và tập trung các nguồn lực để đầu tư mở rộng, đầu tư mới các dự án thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính theo các Chiến lược, Quy hoạch ngành Quốc gia. Theo đó, huy động các nguồn lực để tự đầu tư, hợp tác đầu tư, nghiên cứu phát triển các lĩnh vực: Duy trì ổn định sản lượng than, mở rộng khai thác bô-xít - alumin - nhôm; khai thác - chế biến sâu khoáng sản titan - zircon, cromit, đồng, sắt (mỏ Thạch Khê khi được cấp có thẩm quyền cho phép), khai thác, chế biến đất hiếm tại Lai Châu và khai thác than tại Bể than Đồng bằng Sông Hồng khi lựa chọn được công nghệ phù hợp...

- Đầu tư đồng bộ và phát triển công nghiệp hỗ trợ, các cơ sở hạ tầng- logistic phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường đầu tư tạo ra các sản phẩm sạch hơn thân thiện với môi trường, nâng cao chuỗi gía trị.

- Tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, CGH, TĐH và CĐS,...

- Tìm kiếm cơ hội, hợp tác đầu tư tại nước ngoài để phát triển SXKD.

***1.4. Định hướng công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu***

- Thực thi chính sách bảo vệ môi trường (BVMT) gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính; tăng cường tận thu tài nguyên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác phòng ngừa các sự cố môi trường; đẩy mạnh đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan, trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tái chế, tái sử dụng tối đa các loại chất thải phát sinh trong sản xuất để giảm thiểu phát thải và làm nguyên vật liệu đầu vào của ngành khác hay tuần hoàn trong nội bộ TKV; các vùng đất sau khai thác mỏ được quy hoạch chuyển đổi để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như kinh tế rừng, năng lượng tái tạo, du lịch - dịch vụ,…

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp sản xuất sạch hơn, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong sản xuất; từng bước đưa công nghiệp than trở thành ngành kinh tế xanh - kinh tế tuần hoàn, phát triển hài hoà, thân thiện với môi trường, cộng đồng; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu của TKV giai đoạn đến năm 2030, định hướng tới 2050.

***1.5. Định hướng công tác an toàn lao động***

- Thực hiện tiêu chí: An toàn - Hiện đại - Thân thiện với môi trường.

- Xây dựng hệ thống quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động phù hợp với quy mô, điều kiện hoạt động sản xuất của Tập đoàn.

- Tăng cường giáo dục nhận thức, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động kết hợp với ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là các thành tựu của CMCN 4.0 để nâng cao chất lượng dự báo, phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục hiệu quả các rủi ro về an toàn lao động.

- Đẩy mạnh các hình thức, biện pháp, hoạt động trong công tác tuyên truyền, huấn luyện, kiểm tra, khen thưởng, xử lý kỷ luật trong công tác quản lý về an toàn lao động trong mọi hoạt động SXKD của TKV.

***1.6. Định hướng phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính***

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu của TKV trên cơ sở không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp để huy động các nguồn vốn ổn định lâu dài, chi phí hợp lý từ các tổ chức tài chính trong và ngoài nước đảm bảo đủ, kịp thời nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển các dự án mới.

***1.7. Định hướng phát triển nguồn nhân lực***

- Phát triển nguồn nhân lực quản lý có năng lực phù hợp với định hướng, quy mô phát triển của Tập đoàn.

- Duy trì ổn định nguồn lao động phục vụ sản xuất các lĩnh vực hiện nay của TKV; đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp để phát triển sản xuất các ngành nghề sản xuất mới theo định hướng phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn tới, đặc biệt là các lĩnh vực đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao như luyện nhôm, titan, chế biến đất hiếm…

***1.8. Định hướng phát triển văn hóa doanh nghiệp***

- Thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo gắn với giá trị văn hóa truyền thống của TKV trong mọi lĩnh vực SXKD;

- Duy trì và phát triển văn hóa chia sẻ thành công, đồng hành có trách nhiệm của người lao động, doanh nghiệp với sự phát triển cộng đồng xã hội;

- Khởi tạo văn hóa công dân số phù hợp với nền kinh tế số, văn hóa số đậm đà bản sắc dân tộc, bản sắc TKV.

**2. Định hướng phát triển các ngành sản xuất - kinh doanh**

***2.1. Định hướng phát triển công nghiệp than:***

- Công tác thăm dò phải luôn đi trước một bước; thăm dò đánh giá trữ lượng than hiện có đảm bảo độ tin cậy phục vụ thiết kế khai thác kết hợp đẩy mạnh thăm dò các mỏ mới nhằm chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho sự phát triển ổn định, lâu dài lĩnh vực sản xuất than của TKV nói riêng và ngành than nói chung.

- Đổi mới và áp dụng công nghệ thăm dò tiên tiến, đặc biệt đối với những khu vực nằm ở độ sâu lớn, điều kiện địa chất phức tạp; tiếp tục tìm kiếm đối tác nghiên cứu đầu tư lựa chọn công nghệ, phương pháp thăm dò thích hợp để thăm dò bể than Sông Hồng;

- Tập trung phát triển, duy trì các mỏ hầm lò sản lượng lớn theo tiêu chí “*Mỏ xanh, Mỏ hiện đại, Mỏ sản lượng cao, Mỏ an toàn*”. Phát triển các mỏ khai thác lộ thiên theo hương nâng cao hệ số bóc giới hạn, phù hợp với điều kiện kinh tế, kỹ thuật và quy hoạch liên quan; thực hiện công tác đổ thải đất đá theo hướng sử dụng tối đa bãi thải trong.

- Liên thông các mỏ sản lượng nhỏ có điều kiện địa chất, địa lý, hạ tầng phù hợp thành các mỏ sản lượng lớn. Khai thác an toàn, tiết kiệm, tận thu hiệu quả nguồn tài nguyên than đã được giao quản lý bao gồm cả trữ lượng than tại các khu vực trụ bảo vệ các công trình và phẩn tài nguyên than tổn thất còn lại sau khi đã kết thúc khai thác hầm lò trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát triển sản lượng khai thác theo hướng bền vững, hiệu quả.

- Duy trì, cải tạo các nhà máy sàng tuyển, trung tâm chế biến than hiện có kết hợp việc duy trì hợp lý các cụm sàng mỏ; tiếp tục đầu tư xây dựng mới nhà máy sàng tuyển tập trung; chế biến than trong nước kết hợp với pha trộn than nhập khẩu theo hướng tối đa chủng loại than cho sản xuất điện; đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước phù hợp theo thị trường. Chú trọng công tác khai thác than bùn làm nhiên liệu và phân bón phục vụ nhu cầu của ngành nông, lâm nghiệp.

- Tăng cường nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác than, nhất là các mỏ than lớn, mỏ than gần khu dân cư, thành thị, ven biển..., các mỏ than có điều kiện địa chất phức tạp.

- Tổ chức hệ thống vận tải (đường bộ, đường sắt, băng tải) phù hợp năng lực sản xuất than từng khu vực với công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hiệu quả kinh tế; gắn các mỏ than với các hộ tiêu thụ lớn trong khu vực phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị và cơ sở hạ tầng các khu vực có hoạt động khai thác than; tăng cường sử dụng băng tải, đường sắt, đường thuỷ để vận tải than và hạn chế tối đa hình thức vận tải bằng ô tô để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Đầu tư cải tạo và xây dựng mới các cảng than nội địa để phục vụ xuất, nhập, pha trộn than với công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện với môi trường. Quy hoạch các kho, cảng đầu mối phục vụ nhập khẩu, trung chuyển và cung ứng than theo từng khu vực (phía Bắc và phía Nam) phù hợp với định hướng phát triển của TKV theo từng giai đoạn.

- Khai thác và sử dụng đất đá thải mỏ phục vụ san lấp mặt bằng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, cải tạo phục hồi môi trường khai thác; nghiên cứu chế biến đất đá thải mỏ để làm vật liệu xây dựng nhằm tăng hiệu quả của công tác khai thác, sử dụng đất đá thải mỏ.

- Hoàn thiện mô hình kinh doanh “*vừa sản xuất vừa thương mại than*”. Chuẩn bị tốt các nguồn lực để tham gia tích cực thị trường năng lượng cạnh tranh.

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư khai thác than tại nước ngoài. Nhập khẩu than phù hợp nhu cầu thị trường đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng than trong nước, đặc biệt là than cho sản xuất điện. Xuất khẩu loại than chất lượng cao mà trong nước không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết, tăng cường công tác chế biến các loại than chất lượng cao từ than sản xuất trong nước phù hợp nhu cầu thị trường thế giới để xuất khẩu.

- Tiếp tục nghiên cứu để lựa chọn công nghệ thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng hợp lý bể than đồng bằng Sông Hồng.

- Thực hiện dự trữ than phù hợp, đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất điện; xây dựng kế hoạch và tối ưu hoá các giải pháp cung cấp than ổn định cho sản xuất điện theo với cơ chế thị trường, phù hợp với Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

***2.2. Định hướng phát triển công nghiệp khoáng sản - luyện kim:***

- Phát triển ngành công nghiệp khoáng sản của TKV ngang tầm ngành công nghiệp than trên cơ sở tăng cường công tác thăm dò phát triển tài nguyên, đầu tư phát triển các mỏ mới, kết hợp với giải pháp đa dạng hóa nguồn cung quặng/tinh quặng (hợp tác khai thác, nhập khẩu) nhằm đáp ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến khoáng sản hoạt động ổn định, bền vững; duy trì sản xuất hiệu quả các tổ hợp khai thác - chế biến khoáng sản đã đầu tư; đẩy mạnh công tác khai thác mở rộng, xuống sâu các mỏ đã cấp phép khai thác; thực hiện các thủ tục pháp lý để được cấp có thẩm quyền cho phép tiếp tục khai thác mỏ sắt Thạch Khê, cấp phép khai thác mỏ cromit Cổ Định theo chỉ đạo tại Nghị Quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng và Kết luận 31-KL/TW ngày 7/3/2022 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển ngành công nghiệp bô - xít - alumin - nhôm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chế biến sâu các loại khoáng sản để tạo ra sản phẩm giá trị kinh tế cao; đầu tư/hợp tác đầu tư mở rộng nâng công suất 02 Tổ hợp alumin hiện có và đầu tư các nhà máy alumin, luyện nhôm mới với lộ trình phù hợp; nghiên cứu đầu tư các dự án nhà máy sản xuất phôi thép tại Hà Tĩnh, nhà máy sản xuất tổng ô xít đất hiếm/đất hiếm riêng rẽ, zircon siêu mịn, Pigment, titan xốp/titan kim loại và các sản phẩm chế biến sâu từ đồng cathode.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao, tiếp thu, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, chuyển đổi công nghệ, thiết bị của các công đoạn: thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, bảo vệ môi trường đối với từng nhóm/loại khoáng sản. Đối với khoáng sản bô-xít Tây Nguyên, titan Bình Thuận, đất hiếm Lai Châu, crômit Thanh Hóa, các mỏ/cụm mỏ khoáng sản khác có quy mô lớn như mỏ sắt Thạch Khê, mỏ đồng tỉnh Lào Cai... đầu tư phát triển hình thành các tổ hợp khai thác gắn với chế biến, áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại. Cải tạo phục hồi môi trường các mỏ khoáng sản TKV ngay sau khi kết thúc theo hướng lồng ghép tái tạo, phục hồi môi trường kết hợp phát triển các dự án xanh phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế thân thiện môi trường.

- Đa dạng hóa sản phẩm khoáng sản phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ, mở rộng hình thức đầu tư, hợp tác nghiên cứu, đầu tư; khai thác tối đa giá trị mô hình liên thông Than - Khoáng sản - Luyện Kim để hình thành hệ sinh thái TKV phù hợp với định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn: Than - Điện - Luyện kim.

- Kết hợp với các Bộ, Ngành trung ương, các địa phương để thúc đẩy đầu tư nâng cấp, xây mới hạ tầng, logistic đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm khoáng sản của Tập đoàn. Đảm bảo cân đối, hài hoà giữa xuất khẩu, nhập khẩu, trước hết đảm bảo nhu cầu sử dụng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho các dự án chế biến; xuất khẩu khoáng sản đã qua chế biến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định, đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác đền bù, GPMB, tái định cư; xây dựng phương án và đề xuất cơ chế sử dụng đất sau khai thác theo hướng ưu tiên tối đa bố trí tái định canh, một phần dành cho tái định cư và một phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với việc có giải pháp hoàn trả hoặc cho phép TKV hoạch toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại TKV theo quy định để đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Tập đoàn, người dân trong khu vực thu hồi đất phục vụ các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, đặt biệt là đối với khoáng sản dạng bề mặt (bô xít, tittan).

***2.3. Định hướng phát triển công nghiệp điện***

- Cải tạo, nâng cấp, đổi mới công nghệ các nhà máy điện than hiện có để tận dụng nguồn than chất lượng thấp, hoàn thành dự án đầu tư đã có trong Quy hoạch điện VIII.

- Nghiên cứu đầu tư một số dự án NLTT, triển khai các dự án điện mặt trời áp mái tại các văn phòng, trụ sở tại các đơn vị của TKV; hình thành các tổ hợp cung cấp năng lượng theo mô hình tự sản - tự tiêu. Trong đó, tập trung vào dự án điện mặt trời trên hồ thuỷ điện Đồng Nai 5; điện mặt trời, điện gió khu vực Tây Nguyên tại các khu vực đã hoàn thành việc khai thác bô xít; các khu vực bãi thải mỏ tiến tới dần hình thành các tổ hợp công nghiệp Than/NLTT - Điện - Alumin, nhôm.

- Thực hiện chuyển đổi nhiên liệu theo lộ trình phù hợp gắn với hiện đại hoá sản xuất, quản trị nhà máy điện tiên tiến; áp dụng các công nghệ giảm phát thải, công nghệ xanh phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ của thế giới. Định hướng thực hiện chuyển đổi nhiên liệu sang sinh khối và amoniac với các nhà máy nhiệt điện than đã vận hành sau 20 năm khi giá thành phù hợp và có hành lang pháp lý đầy đủ.

- Chuẩn bị các nguồn lực về con người, hạ tầng và mô hình tổ chức để sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện canh tranh.

***2.4. Định hướng phát triển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất***

- Tiếp tục phát triển sản phẩm cốt lõi là VLNCN, tiền chất thuốc nổ và chuỗi sản phẩm dịch vụ. Phát triển sản xuất một số loại tiền chất thuốc nổ khác như: natri nitrat (NaNO3)...

- Nghiên cứu sản xuất, ứng dụng thay thế dần nguyên liệu, vật tư đang nhập khẩu (amoniac-NH3...) để phục vụ cho các dây chuyền sản xuất: amoni nitrat, nhũ tương hầm lò, nhũ tương rời, chuyển đổi năng lượng xanh...

- Đầu tư sản xuất phân bón, tham gia chuỗi sản xuất cung ứng các sản phẩm hóa chất cơ bản dùng trong công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, hóa dầu; công nghiệp xử lý nước, sản xuất chất tẩy rửa, xút lỏng, một số sản phẩm phụ trợ khác cho nông nghiệp và các chế phẩm kèm theo tiến tới doanh thu hoá chất tiệm cận với sản phẩm chính.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm VLNCN, tiền chất thuốc nổ và dịch vụ khoan, nổ, mìn ra các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Inđônêxia...

**3. Định hướng phát triển mô hình kinh doanh, mô hình tổ chức**

***3.1.*** ***Định hướng phát triển mô hình kinh doanh***

Gắn kinh doanh với sản xuất tạo ra chuỗi giá trị khai thác, chế biến than - khoáng sản, sản xuất điện, luyện kim, VLNCN, dịch vụ logistic phù hợp mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng các hóa chất độc hại, tái sử dụng, tái chế chất thải (đất đá thải, nước thải đã qua xử lý, chất thải công nghiệp...) làm nguyên vật liệu cho phát triển hạ tầng và công nghiệp; đi đôi với phát triển theo chiều rộng, tăng cường phát triển theo chiều sâu bằng cách áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại. Từng bước tiến tới liên thông 03 phân ngành sản xuất kinh doanh chính của TKV là “Than - Điện - Luyện kim”.

***3.2. Định hướng phát triển mô hình tổ chức Công ty mẹ - TKV***

- Tiếp tục hoạt động theo mô hình hoạt động hỗn hợp, theo đó Công ty mẹ -TKV vừa thực hiện chức năng đầu tư tài chính, vừa trực tiếp hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- Chủ động phân công, hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị chế biến, kho vận, giao nhận và kinh doanh than thuộc Công ty mẹ - TKV nhằm chủ động trong công tác tiêu thụ than, nhập khẩu than.

- Thực hiện lộ trình cổ phần hóa Công ty mẹ - TKV vào thời điểm phù hợp theo tiến độ do Chính phủ phê duyệt.

***3.3. Định hướng phát triển mô hình tổ chức các công ty thành viên***

- Duy trì tỷ lệ nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần chi phối ở các công ty con hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chính và liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính.

- Tổ chức lại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên: Hợp nhất nhằm tăng quy mô một số công ty cổ phần sản xuất than có vị trí địa lý và tài nguyên liền kề nhau; tổ chức lại các viện nghiên cứu theo mô hình Nghiên cứu - Chế tạo - Chuyển giao công nghệ; tổ chức lại các đơn vị tư vấn đầu tư, thiết kế, giám sát và quản lý dự án theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp; tổ chức lại các công ty thăm dò địa chất mỏ để hình thành các công ty đủ mạnh thực hiện các hoạt động khảo sát, thăm dò than - khoáng sản trong và ngoài nước.

- Thoái vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết kinh doanh kém hiệu quả hoặc không phù hợp với định hướng phát triển trong giai đoạn tới.

## IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh, hoạt động có hiệu quả kinh tế, bền vững và đạt được các mục tiêu và kế hoạch theo Chiến lược phát triển, TKV cần thực hiện đồng bộ giữa các giải pháp: giải pháp đột phá, giải pháp chung các giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

## IV.1. Giải pháp thực hiện các đột phá chiến lược

**1. Phát triển kinh tế tuần hoàn (KTTH)**

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTH đến đội ngũ cán bộ, người lao động. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển KTTH tại các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh; phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) phù hợp với mô hình kinh doanh và tổ chức quản lý của TKV.

- Căn cứ các chính sách phát triển KTTH của quốc gia, nghiên cứu xây dựng, triển khai các cơ chế chính sách, kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án KTTH; lồng ghép chương trình phát triển KTTH của TKV tại các tổ hợp Than - Điện, Khoáng sản - Luyện kim… với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Chuyển dịch năng lượng công bằng theo hướng xanh, sạch, trung hòa các - bon; áp dụng công nghệ thu giữ, lưu trữ các - bon, công nghệ phát thải các - bon thấp, công nghệ xử lý tro xỉ nhà máy nhiệt điện thành VLXD; phát triển năng lượng tái taọ; trồng rừng, cải tạo, phục hồi môi trường tại các khu vực bãi thải và khu vực mỏ đã kết thúc khai thác; chủ động kết nối, tham gia mua bán, trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon theo lộ trình cam kết của Chính phủ.

- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế để tìm kiếm cơ hội tiếp cận tri thức, kỹ năng và nguồn lực phát triển KTTH thông qua các dự án hỗ trợ, cụ thể về KTTH, các dự án về công nghệ, dịch vụ (công nghệ thông tin, môi trường...) thân thiện với môi trường.

**2. Đẩy mạnh ứng dụng Chuyển đổi số**

- Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo và người lao động trong toàn TKV về vai trò và tầm quan trọng của CĐS; tăng cường tuyên truyền, tổ chức hội thảo, hội nghị phổ biến về CĐS thông qua các kênh thông tin, bản tin, sự kiện…

- Xây dựng và ban hành chiến lược, kế hoạch CĐS tổng thể; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia vào quá trình CĐS.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về CNTT, CĐS cho đội ngũ cán bộ, người lao động, nhất là đội ngũ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự thống nhất trong triển khai thực hiện CĐS.

- Xây dựng các quy trình số và hoàn thiện hạ tầng số; triển khai các ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn an ninh thông tin. Hoàn thành mô hình kết nối trao đổi thông tin số với Chính phủ số và các doanh nghiệp, đơn vị khác trong và ngoài nước.

- Tăng cường, thúc đẩy đầu tư, ứng dụng tự động hóa tại các mỏ/nhà máy;áp dụng mô hình quản lý và sản xuất thông minh dựa trên nền tảng công nghệ của cuộc CMCN 4.0.

**3. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

 - Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và ĐMST trên toàn bộ các lĩnh vực; nâng cao năng lực quản lý, chuẩn hoá các mô hình quản trị doanh nghiệp và tiềm lực KH&CN của TKV…; đầu tư tập trung, có trọng tâm vào một số đơn vị để xây dựng hình mẫu các doanh nghiệp trong thời kỳ mới.

- Đầu tư phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng phục vụ hoạt động nghiên cứu KH&CN và ĐMST; tăng cường phát triển nguồn nhân lực phục vụ đồng thời công tác nghiên cứu và ứng dụng KH&CN đảm bảo đủ về số lượng, ngành nghề, có chất lượng chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và ĐMST tại TKV.

- Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong và ngoài TKV; Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế để tiếp cận, nắm bắt những công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến than - khoáng sản; nghiên cứu, đầu tư áp dụng phù hợp với thực tế sản xuất tại Tập đoàn.

## IV.2. Giải pháp chung

**1. Giải pháp về thị trường**

- Thị trường trong nước và xuất khẩu: Đảm bảo nguồn cung ổn định, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường quản lý, quản trị để giảm giá thành sản xuất, giá bán cạnh tranh kết hợp với hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm cho các bạn hàng trong và ngoài nước.

- Thị trường nhập khẩu: Từng bước đầu tư xây dựng hạ tầng, hệ thống logistics phục vụ nhập khẩu than và hàng hóa; đẩy mạnh thương mại, hợp tác đầu tư với các nước có tài nguyên than để có nguồn cung than ổn định; đa dạng hóa nguồn than nhập khẩu.

- Giải pháp thị trường đối với từng loại sản phẩm:

 (i) Đối với than: Tập trung đáp ứng ở mức cao nhu cầu thị trường trong nước, nhất là than cho sản xuất điện; tăng cường công tác khảo sát, tìm kiếm các nguồn cung than trên thế giới, đồng thời với việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nhập khẩu, pha trộn và cung ứng than cho tất cả các hộ tiêu thụ do TKV đảm nhận; tăng cường nhập khẩu từ các nước Indonesia, Úc, Nga, Nam Phi... than bitum và á bitum cung ứng cho các NMNĐ và nhập khẩu antraxit để pha trộn nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước.

 (ii) Đối với các sản phẩm khoáng sản chế biến sâu như alumin, hydrat, ferocrom... tiếp tục mở rộng thị phần tại thị trường hiện có và phát triển sang các thị trường mới theo hướng phát triển bền vững.

(iii) Đối với điện: Tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh hoàn chỉnh và chuẩn bị nguồn lực, lộ trình tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh nhằm cung cấp điện trực tiếp cho các khách hàng lớn thuộc TKV.

(iv) Đối với các sản phẩm khác như VLNCN và sản phẩm cơ khí: Đáp ứng nhu cầu trong nước, từng bước mở rộng và phát triển ra thị trường khu vực và thế giới.

**2. Giải pháp về đầu tư**

- Bố trí các nguồn lực phù hợp để thực hiện thăm dò, duy trì các mỏ hiện có và phát triển các dự án khai thác, chế biến than, điện, khoáng sản mới trong Quy hoạch về tổng thể năng lượng quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, duy trì ổn định của ngành công nghiệp than TKV; đảm bảo an sinh xã hội, thu nhập cho người lao động.

- Tăng cường huy động mọi nguồn lực của xã hội, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư bằng các hình thức khác nhau vừa nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển, giải quyết vấn đề lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển hài hòa với cộng đồng, xã hội.

- Tận dụng tối đa năng lực sẵn có của các đơn vị trên cùng địa bàn trên cơ sở hai bên cùng có lợi theo các hình thức liên kết, liên danh, thuê mượn tài sản, thuê làm dịch vụ trọn gói từng vụ việc...

- Đẩy mạnh hợp tác - liên kết giữa các doanh nghiệp trong và ngoài ngành, tận dụng khả năng hợp tác với nước ngoài, trọng tâm là lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao - tiếp nhận công nghệ mới, để thực hiện các dự án khai thác than, khoáng sản ở các khu vực có điều kiện địa chất phức tạp.

- Nâng cao chất lượng công tác tư vấn từ khâu thăm dò đến khai thác, chế biến than, khoáng sản: Bám sát thực tế điều kiện địa chất của các mỏ than, khoáng sản, áp dụng CNTT để nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư; dự báo thị trường hợp lý để có kế hoạch đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản phù hợp.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án: xây dựng kế hoạch, theo dõi, giám sát đầu tư chặt chẽ, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh để đảm bảo tuân thủ theo kế hoạch thực hiện đề ra; cập nhật các quy định hiện hành của nhà nước về công tác quản lý đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án đầu tư.

**3. Giải pháp về phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính**

- Tận dụng mọi nguồn lực để huy động nguồn vốn vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Đa dạng hóa phương thức huy động vốn: phát hành trái phiếu; niêm yết trái phiếu và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; liên doanh, liên kết để thu hút các nguồn lực của xã hội.

- Huy động vốn ưu đãi có chi phí thấp trên thị trường quốc tế cho các dự án phát triển năng lượng tái tạo, dự án chế biến alumin và luyện nhôm.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thu xếp vốn, hoàn trả vốn cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Tập đoàn trong trung và dài hạn.

**4. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

- Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo; thường xuyên hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, hệ thống thang bảng lương, định mức lao động.

- Tập trung nguồn lực phù hợp để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu thuộc các lĩnh vực SXKD chính.

- Hình thành đội ngũ quản lý doanh nghiệp được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt thông qua các giải pháp cụ thể:

+ Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp (cấp cơ sở, cấp trung và cấp chiến lược). Các cán bộ lãnh đạo, quy hoạch lãnh đạo cần bảo đảm có phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn doanh nghiệp, có tư duy đột phá, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của Tập đoàn và đơn vị.

+ Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong quản trị điều hành doanh nghiệp; giám sát chặt chẽ và xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cá nhân, vi phạm pháp luật.

- Xây dựng về đề xuất cơ chế chính sách đặc thù cho người lao động trong điều kiện vất vả, nặng nhọc; chuẩn bị đầy đủ lực lượng công nhân kỹ thuật các ngành nghề chính; thực hiện cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc; tăng cường tự đào tạo nhân lực; động viên, khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng.

- Hợp tác đào tạo với nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tập trung đào tạo, tuyển dụng nguồn lực chất lượng cao có trình độ ngoại ngữ, có kiến thức, có kinh nghiệm thực tế. Tiếp tục cử cán bộ các cấp đi học hỏi, tham quan thực tế tại các mỏ nước ngoài có trình độ công nghệ tiên tiến và hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại; tổ chức các chương trình đào tạo, trao đổi chuyên gia, trao đổi kinh nghiệm quản lý vận hành với các tổ chức quốc tế; cập nhật, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý và người lao động về thị trường năng lượng cạnh tranh, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả...

**5. Giải pháp về chuyển dịch năng lượng công bằng**

- Tăng cường hợp tác, kêu gọi, tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các cam kết hỗ trợ quốc tế (JETP, ETM, AZEX,...) và sự hỗ trợ về tài chính của các tổ chức tài chính quốc tế về chuyển dịch năng lượng công bằng.

- Triển khai đốt thí điểm pha trộn than với nhiên liệu sinh khối (Biomass), NH3, Hydro xanh...tại các nhà máy điện than theo Quy định, hướng dẫn cụ thể của Cơ quan quản lý nhà nước. Triển khai các giải pháp về thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng khí CO2. Áp dụng các giải pháp công nghệ và hệ thống quản lý khí thải và chất thải trong ngành năng lượng theo hướng tiệm cận tiêu chuẩn của các nước phát triển.

- Thực hiện đầu tư, triển các khai dự án về năng lượng tái tạo; tăng cường thực hiện các giải pháp về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Bổ sung, chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh và đề xuất Chính phủ có cơ chế, chính sách hỗ trợ để ngành than tiếp tục phát triền bền vững, đảm bảo an sinh xã hội cho cán bộ, người lao động.

 **6. Giải pháp về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Duy trì vận hành có hiệu quả các công trình môi trường đã đầu tư, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, tuân thủ các thủ tục, quy định pháp luật của nhà nước và địa phương trong lĩnh vực quản lý môi trường.

- Tăng cường đầu tư các công trình đảm bảo mục tiêu môi trường một cách tổng thể, nhất là các công trình cải thiện môi trường cảnh quan các mặt bằng sản xuất, môi trường làm việc nhằm từng bước hoàn thành mục tiêu “ Đưa công viên vào trong mỏ nhà máy”, “ Xanh hóa môi trường khai thác mỏ”; đồng thời triển khai thực hiện quản lý môi trường theo *Tiêu chí môi trường* “ Sáng - Xanh - Sạch” mà TKV đã ban hành.

- Triển khai thực hiện các Đề án bảo vệ môi trường dài hạn của TKV làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành từ Cơ quan quản lý điều hành đến các đơn vị thành viên được chủ động, tổng thể, đồng bộ với các quy hoạch liên quan, phù hợp với Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn.

- Quản lý và thực hiện công tác bảo vệ môi trường với trình độ khoa học công nghệ hiện đại, kỹ thuật tốt nhất; tiếp tục chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ trong kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, lộ thiên; xây dựng và triển khai “ Kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, định hướng tới 2050 ”

- Từng bước nghiên cứu và triển khai thực hiện mục tiêu “ Phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn nâng cao chuỗi giá trị khai thác khoáng sản của TKV ” như: nghiên cứu triển khai tái chế nước thải mỏ sau xử lý thành nước sinh hoạt ; thu hồi, chế biến đất đá thải sau khai thác khoáng sản tại các mỏ than và tro xỉ nhà máy điện thành vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng phục vụ phát triển kinh tế của các địa phương.

- Xây dựng kế hoạch quản lý và đào tạo các nội dung về BVMT một cách bài bản, thường xuyên đối với các cấp trong hệ thống tổ chức sản xuất của Tập đoàn để triển khai thực hiện tổng thể đồng bộ, hiệu quả; tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

**7. Giải pháp về tái cơ cấu và cổ phần hóa**

- Làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để giải quyết những vướng mắc về cơ chế chính sách trong việc xác định giá trị doanh nghiệp để xác định giá khởi điểm đấu giá chuyển nhượng vốn như chưa có hướng dẫn cụ thể cách tính giá trị của yếu tố lịch sử văn hóa của doanh nghiệp.

- Làm việc với các địa phương, bộ, ngành để sớm có văn bản xác nhận làm cơ sở phê duyệt phương án sắp xếp nhà đất.

- Báo cáo các cơ quan quản lý liên quan giải quyết những khó khăn trong việc xử lý tài chính (xử lý đối với tài sản hình thành từ nguồn quỹ phúc lợi, xử lý các khoản nợ khó đòi…) trước khi quyết định cổ phần hóa.

- Đẩy nhanh tiến độ quyết toán dự án đầu tư xây dựng và hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể, chấm dứt hoạt động của một số chi nhánh của TKV.

- Sớm triển khai và hoàn thành các đề án liên thông các mỏ có điều kiện địa chất, địa lý, hạ tầng phù hợp thành các mỏ, các công ty có sản lượng lớn.

**8. Giải pháp về hợp tác và hội nhập quốc tế**

- Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương về đầu tư, thương mại, khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực về Khoa học, Công nghệ và các lĩnh vực khác. Theo đó, tập trung hợp tác quốc tế trong việc thu xếp nguồn vốn đầu tư có giá trị lớn, chi phí hợp lý để phục vụ nhu cầu đầu tư các dự án trọng điểm để đạt được mục tiêu của chiến lược đề ra; tìm kiếm đối tác tin cậy, có kinh nghiệm để hợp tác chuyển giao - tiếp nhận công nghệ mới, hiện đại cho việc cải tạo công nghệ, dây chuyền thiết bị hiện có, đầu tư mới đảm bảo sản xuất xanh, bền vững phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng theo các tiêu chuẩn phát thải mới của Việt Nam và Thế giới.

- Thông qua hợp tác quốc tế để phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao như liên kết đào tạo nghề, xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đào tạo giảng viên dạy nghề; đào tạo cán bộ trung, cao cấp; đào tạo chuyên gia v.v.

- Tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, tiếp thu tri thức, nhất là tri thức về quản lý và khoa học công nghệ.

- Chủ động xác định các lĩnh vực, nội dung ưu tiên hợp tác quốc tế trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước và của TKV.

- Tích cực tham gia các thể chế hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với mục tiêu phát triển nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường và bền vững.

**9. Giải pháp về phát triển văn hóa doanh nghiệp**

- Xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa doanh nghiệp của TKV với các nội dung: xác định sứ mệnh của TKV; xác định các giá trị cốt lõi trong hoạt động của TKV; hình thành các tiêu chuẩn ứng xử cho các thành viên của TKV; mô tả truyền thống và các đặc điểm hình thức của văn hóa doanh nghiệp.

- Hình thành văn hóa doanh nghiệp coi con người là trung tâm. Theo đó, các mục tiêu của tổ chức không được đối lập với lợi ích của nhân viên và hệ thống quản lý cần đảm bảo sự tương tác giữa nhân viên và quản lý. Chú trọng cách thức truyền đạt văn hoá doanh nghiệp từ người quản lý sang cấp dưới, từ nhân viên có kinh nghiệm sang thành viên mới trong nhóm.

- Chú trọng văn hóa mục tiêu khi bối cảnh bên ngoài thay đổi. Điều này chủ yếu áp dụng cho những thay đổi mang tính sáng tạo, những hoạt động nhằm cải thiện một số lĩnh vực nhất định trong TKV.

- Chú trọng văn hoá của từng bộ phận trong doanh nghiệp (bộ phận, phân xưởng, nhóm/tổ/đội công tác) trong khi vẫn tuân thủ văn hoá doanh nghiệp chung của TKV.

## IV.3. Giải pháp cụ thể phát triển sản xuất kinh doanh

## 1. Giải pháp phát triển Công nghiệp than

- *Thăm dò, khai thác*: tiếp tục thăm dò, đầu tư dự án, khai thác các mỏ than theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023; tăng cường sản lượng khai thác trong nước, nhập khẩu than để pha trộn cung cấp cho các hộ tiêu thụ; xuất khẩu than theo hạn ngạch được chính phủ cho phép; liên thông các khoáng sàng gần nhau để hình thành các mỏ có công suất lớn (mỏ lộ thiên trên 3 triệu tấn/năm, mỏ hầm lò trên 2 triệu tấn/năm); đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tăng cường áp dụng Cơ giới hoá, Tự động hoá và chuyển đổi số; nghiên cứu áp dụng các công nghệ khai thác (mỏ hầm lò: không để lại trụ than bảo vệ, sử dụng trụ bảo vệ nhân tạo; mỏ lộ thiên: tăng cường ứng dụng hệ thống khai thác theo lớp đứng; công nghệ khai thác chọn lọc và khai thác vỉa mỏng; công nghệ đổ thải bãi thải tạm và bãi thải trong); áp dụng các giải pháp kỹ thuật để giảm thiểu tỷ lệ tổn thất và tăng tỷ lệ thu hồi than sạch.

- *Chế biến, pha trộn than*: hoàn thiện các phương thức sàng tuyển, chế biến với công nghệ tiên tiến, hiện đại, linh hoạt; nghiên cứu áp dụng việc pha trộn than anthraxit/hoặc than nâu nhập khẩu với than anthraxit trong nước để cung cấp cho các NMNĐ.

- *Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và kinh doanh than*: tổ chức phân luồng vận chuyển than hợp lý theo các khu vực khai thác than thông qua việc gắn các mỏ, các vùng than với các hộ tiêu thụ lớn trong khu vực. Quy hoạch các kho, cảng đầu mối phục vụ tiếp nhận và trung chuyển than nhập khẩu thống nhất trên phạm vi cả nước với hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ logistics đồng bộ, đảm bảo tiếp nhận các tàu chở than lớn.

## 2. Giải pháp về phát triển công nghiệp khoáng sản - luyện kim

- Tổ chức thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng; Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01/04/2023; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, tỉnh có liên quan.

- Đẩy nhanh ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng giải pháp kỹ thuật tiên tiến. Cơ giới hóa và đồng bộ thiết bị ở các khâu sản xuất. Đẩy mạnh áp dụng các giải pháp tự động hóa, giám sát các công đoạn sản xuất.

- Tập trung nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật tại các cơ sở chế biến khoáng sản.

- Cụ thể hóa lộ trình thực hiện các nội dung công việc của các dự án một cách hợp lý, trong đó chú trọng đến tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng (GPMB), tái định cư, định canh cho dân cư vùng ảnh hưởng của các dự án.

- Bên cạnh việc thực hiện đền bù, tạo quỹ đất, cơ sở hạ tầng phục vụ công tác GPMB, tái định cư, định canh theo quy định cần xem xét đề xuất các nguồn vốn để phối hợp cùng chính quyền sở tại hỗ trợ người dân ổn định sản xuất, tạo điều kiện cho phát triển lâu dài, bền vững.

## 3. Giải pháp về phát triển công nghiệp điện

- Giải pháp về đầu tư: đề xuất cơ chế hợp tác, đầu tư các dự án NLTT như dự án điện mặt trời trên mặt nước, bãi thải mỏ, bãi thải quặng đuôi bô xít, các dự án điện mặt trời áp mái tại các văn phòng, trụ sở tại các đơn vị của TKV...; nghiên cứu áp dụng công nghệ pha trộn, chuyển đổi nhiên liệu sinh khối với than để giảm phát thải khí nhà kính; nghiên cứu để có thể từng bước đầu tư một số công nghệ áp dụng nâng cấp tính linh hoạt của các tổ máy nhiệt điện hiện có; nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để thu giữ và lưu trữ các - bon trong khói thải các nhà máy điện than. Thực hiện đầu tư dự án nhà máy Nhiệt điện Na Dương II theo Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023.

- Giải pháp về sản xuất kinh doanh: đẩy mạnh đầu tư cải tạo, nâng cấp, đổi mới, cải tiến thiết bị để nâng cao hiệu suất nhà máy; chủ động sử dụng nguồn than nhập khẩu để pha trộn với than trong nước đảm bảo cấp than tối ưu chi phí cho các nhà máy điện; phát triển lĩnh vực dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng chuyên nghiệp; chuẩn bị mọi nguồn lực để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh.

## 4. Giải pháp về phát triển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất

- Đối với thuốc nổ: nghiên cứu sản xuất sản phẩm thuốc nổ công nghiệp mới thân thiện với môi trường dùng trong khai thác mỏ; đa dạng hóa sản phẩm chất nhũ tương nền, nhũ tương đường kính nhỏ dùng trong công trình ngầm, tăng cường cơ giới hóa khâu nạp nổ; nghiên cứu sản xuất thuốc nổ nhũ tương bao gói có khả năng sử dụng trong môi trường có điều kiện nước ngầm cao hoặc lỗ khoan có độ nứt nẻ lớn, trong môi trường nước biển.

- Đối với tiền chất thuốc nổ: xây dựng phương pháp kiểm tra, đánh giá độ đóng bánh và độ bọc vỏ của sản phẩm amoni nitrat hạt xốp.

- Đối với amoniac (NH3): đầu tư nhà máy sản xuất NH3 theo công nghệ khí hóa than hoặc công nghệ tiên tiến khác với công suất 100 - 150 ngàn tấn/năm (giai đoạn 2026 - 2030) và 200 - 300 ngàn tấn/năm (giai đoạn sau 2030); nghiên cứu sản xuất phân bón để giảm phát thải khí CO2 trong quá trình sản xuất amoniac.

- Đầu tư bổ sung các kho chứa amoni nitrat và bồn chứa NH3,…; đầu tư xây dựng cảng hóa chất chuyên dụng tại vị trí phù hợp theo từng giai đoạn.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## 1. Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách thực hiện Chiến lược phát triển TKV phù hợp với thẩm quyền theo quy định của Chính phủ.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV.

- Hướng dẫn việc thực hiện cổ phần hoá, tái cơ cấu TKV theo lộ trình đã đặt ra của Chính phủ.

- Phối hợp với Bộ Công Thương chỉ đạo TKV rà soát, nâng cấp công nghệ của các nhà máy điện than hiện có để đáp ứng yêu cầu BVMT.

- Kiến nghị Chính phủ xem xét cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ các nhà máy điện than khi chuyển đổi năng lượng.

- Tạo điều kiện thuận lợi để TKV được bổ sung quy hoạch, triển khai các dự án NLTT để hình thành các tổ hợp năng lượng.

## 2. Bộ Công Thương

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ để sớm phê duyệt các chiến lược và quy hoạch liên quan đến lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV mà Bộ Công Thương được giao chủ trì.

- Trong thẩm quyền xem xét chấp thuận các đề xuất của TKV về cơ chế, chính sách để thực hiện Chiến lược phát triển TKV.

- Xây dựng chiến lược nhập khẩu than dài hạn; khuyến khích đầu tư, khai thác than ở nước ngoài.

 - Xây dựng và hoàn thiện các điều kiện cần thiết cho việc phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh.

 - Ban hành hướng dẫn về quy trình, tiêu chuẩn về NMNĐ than đốt lẫn với các loại nguyên liệu đầu vào khác (amoniac, H2, dăm gỗ, biomass...); hướng dẫn về tiêu chuẩn, công nghệ sử dụng công nghệ phát thải các bon thấp, công nghệ lưu trữ, tối ưu hoá các - bon (CCUS)...

- Xây dựng chính sách hỗ chợ ngành than trong việc đào tạo, chuyển đổi sản xuất khi kết thúc khai thác các mỏ, sáp nhập/giải thể các đơn vị sản xuất than...

- Kịp thời xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để TKV được bổ sung Quy hoạch, triển khai các dự án NLTT.

## 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ để sớm phê duyệt các chiến lược và quy hoạch liên quan đến lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV mà Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao chủ trì.

- Tổ chức phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò, cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án đóng cửa mỏ đảm bảo các thủ tục pháp lý về môi trường đáp ứng tiến độ theo Quy hoạch và phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Tập đoàn.

- Tăng cường điều tra cơ bản, đánh giá, thăm dò các tài nguyên, khoáng sản.

- Phối hợp với Bộ Tài chính cân đối lại việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, điều chỉnh phí dịch vụ môi trường và thuế, phí bảo vệ môi trường.

## 4. Bộ Tài chính

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành địa phương rà soát và điều chỉnh kịp thời các chính sách thuế, phí đối với tài nguyên than, khoáng sản phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đặc thù của ngành.

- Báo cáo Chính phủ để ban hành cơ chế giá bán than trong nước theo giá thị trường; tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng chỉ số giá than trong giao dịch than nhập khẩu.

- Ban hành cơ chế, chính sách về hỗ trợ tài chính; phối hợp Bộ Công thương ban hành chính sách hỗ trợ về giá điện khi các NMNĐ đốt than chuyển đổi năng lượng, đốt lẫn than với các loại nguyên liệu đầu vào khác.

## 5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp cùng các bộ, ngành xây dựng cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho TKV trong quá trình sản xuất, kinh doanh góp phần hoàn thành mục tiêu Chiến lược.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp điều kiện cụ thể của Việt Nam và thông lệ quốc tế nhằm hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia đầu tư thăm dò và khai thác than ở nước ngoài.

## 6. Các bộ, ngành, cơ quan liên quan

Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển TKV trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật hiện hành.

## 7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi cho TKV triển khai các dự án và các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn để hoàn thành mục tiêu Chiến lược, góp phần đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức phối hợp triển khai thực hiện Chiến lược, cập nhật và điều chỉnh các quy hoạch liên quan của địa phương để tránh chồng lấn với các quy hoạch phát triển của địa phương với các đề án thăm dò, dự án khai thác mỏ của TKV đã có trong các quy hoạch, tạo điều kiện huy động tối đa tài nguyên nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phát triển các ngành công nghiệp trong nước.

- Chủ trì, phối hợp với TKV thực hiện công tác đền bù - giải phóng mặt bằng, di dân - tái định cư, đảm bảo đủ quỹ đất cho các dự án của TKV trên địa bàn.

## 8. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

- Trên cơ sở Chiến lược phát triển TKV và quy hoạch các ngành liên quan được phê duyệt, xây dựng các kế hoạch trung hạn, dài hạn và kế hoạch hàng năm phù hợp để thực hiện có hiệu quả và đạt được các mục tiêu đề ra trong Chiến lược và Quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Đối với các kỳ kế hoạch, triển khai các giải pháp cụ thể về nguồn lực, kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công chỉ đạo và phối hợp thực hiện giữa các đơn vị thành viên, kiểm tra - giám sát quá trình thực hiện; thực hiện định kỳ việc đánh giá và điều chỉnh kịp thời để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển của Chiến lược.

- Tập trung thực hiện khẩn trương và quyết liệt việc tái cơ cấu TKV, đảm bảo mô hình kinh doanh và tổ chức của TKV có tính hiện đại và chuyên môn hóa cao, gọn nhẹ và hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tình hình thực hiện Chiến lược phát triển TKV; đề xuất kịp thời việc sửa đổi, điều chỉnh Chiến lược để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5239/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, CN (5b),... | THỦ TƯỚNG**Phạm Minh Chính**  |

# PHỤ LỤC

# MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ TRONG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC SẢN XUẤT - KINH DOANH CHÍNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP

# THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030,

# ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

 *(Kèm theo Quyết định số: QĐ-TTg ngày / /2023)*

***1. Định hướng phát triển công nghiệp than***

*a) Công tác thăm dò:*

\* Giai đoạn 2021 - 2030:

Hoàn thành 05 đề án thăm dò giai đoạn trước, thực hiện mới khoảng 15 đề án thăm dò than với khối lượng thi công khoảng 1.018 ÷ 1.259 nghìn mét khoan. Cụ thể:

- Vùng Đông Bắc thực hiện mới khoảng 12 đề án, khoảng 942 ÷ 1.166 nghìn mét khoan bao gồm: mỏ Đồng Vông - Uông Thượng, khu Cánh Gà - mỏ Vàng Danh, khu Trung tâm - mỏ Vàng Danh, mỏ Nam Mẫu, mỏ Bảo Đài II, mỏ Tràng Bạch, mỏ Mạo Khê, mỏ Đông Triều, mỏ Suối Lại, mỏ Hà Lầm, Phía Nam - mỏ Hà Lầm, mỏ Hà Ráng, mỏ Đông Ngã Hai, mỏ Khe Tam, mỏ Đông Lộ Trí, mỏ Bắc Cọc Sáu, mỏ Khe Chàm III;

- Vùng Nội địa: 02 đề án, khoảng 76 ÷ 90 nghìn mét khoan, bao gồm: mỏ Núi Hồng, mỏ Khánh Hòa;

- Bể than Sông Hồng 01 đề án: mỏ Nam Thịnh (diện tích khai thác thử nghiệm).

\* Giai đoạn 2031 - 2045:

Hoàn thành các đề án thăm dò giai đoạn trước, thực hiện mới khoảng 16 đề án thăm dò than với khối lượng thi công khoảng 618 ÷ 761 triệu mét khoan. Cụ thể:

- Vùng Đông Bắc thực hiện mới khoảng 09 đề án, khoảng 611 ÷ 751 nghìn mét khoan bao gồm: khu Bắc - mỏ Vàng Danh, mỏ Bảo Đài II, mỏ Bảo Đài III, mỏ Đông Tràng Bạch, mỏ Mạo Khê, mỏ Chí Linh I, mỏ Chí Linh II, mỏ Bình Minh, mỏ Hà Ráng;

- Vùng Nội địa: 01 đề án, khoảng 7 ÷ 10 nghìn mét khoan (mỏ Nông Sơn);

- Bể than Sông Hồng 06 đề án: mỏ Nam Thịnh, mỏ Nam Thịnh 2, mỏ Nam Phú I, mỏ An Chính, mỏ Tây Giang, mỏ Đông Hoàng (khối lượng được xác định theo đề án thăm dò).

*b) Phát triển mỏ và khai thác:*

\* Giai đoạn 2021 - 2030:

Thực hiện 71 dự án đầu tư mỏ than (trong đó: đầu tư duy trì sản xuất 39 dự án; xây dựng mới 32 dự án). Sản lượng than nguyên khai khai thác khoảng 39 - 44 triệu tấn.

\* Giai đoạn 2031 - 2045:

Thực hiện 59 dự án đầu tư mỏ than (đầu tư duy trì sản xuất 37 dự án; xây dựng mới 22 dự án). Sản lượng than nguyên khai khai thác khoảng 43 - 36 triệu tấn.

*c) Sàng tuyển và chế biến than:*

*\** *Chế biến, pha trộn than*:

- Hoàn thiện công nghệ sàng tuyển, chế biến trên cơ sở đầu tư thiết bị, dây chuyền sàng tuyển hiện đại, tiên tiến đảm bảo linh hoạt trong chế biến các chủng loại sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường; nghiên cứu, tìm kiếm nguồn than nhập khẩu phù hợp, ổn định lâu dài mở rộng pha trộn than anthraxit/hoặc than nâu nhập khẩu với than anthraxit trong nước để cung cấp tối đa nhu cầu than cho sản xuất điện. Cân đối sản xuất than chất lượng cao phục vụ nhu cầu sản xuất xi măng, luyện kim, hóa chất và xuất khẩu phù hợp theo nhu cầu thị trường, điều hành của Chính phủ.

*\* Thương mại than:*

 - Hoàn thiện mô hình kinh doanh “*vừa sản xuất vừa thương mại than*”.

 - Tham gia tích cực thị trường năng lượng cạnh tranh với lộ trình:

+ Giai đoạn từ năm 2021 đến hết năm 2030: TKV giữ vai trò nòng cốt trong việc khai thác, sản xuất, kinh doanh than trong nước.

 + Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2045: Khi thị trường than cạnh tranh đầy đủ TKV tham gia thị trường thực hiện giao dịch, mua bán than tuân thủ quy định và thông lệ của thị trường.

*-* Nhập khẩu than (*gồm cả đầu tư mỏ tại nước ngoài*): ngoài việc đảm bảo nhu cầu pha trộn, còn đảm bảo nguồn than, khối lượng than thương phẩm chiếm thị phần lớn nhất và có tính chủ đạo cung cấp cho thị trường trong nước. Giữ vững vai trò TKV là một trong những đầu mối nhập khẩu than lớn nhất.

*d) Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và kinh doanh than:*

- Tổng mặt bằng:

 + Xây dựng, cải tạo các mặt bằng theo hướng hiện đại, hài hòa với cảnh quan, đáp ứng các tiêu chí môi trường để duy trì ngành than phát triển bền vững, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo phòng chống thiên tai, thích nghi với biến đổi khí hậu.

+ Nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả mặt bằng sau khi kết thúc khai thác, đổ thải.

- Hệ thống vận tải ngoài, cảng xuất nhập than nội địa:

+ Tổ chức hệ thống vận tải, cảng xuất nhập than nội địa phù hợp với đặc thù, vị trí của từng khu vực sản xuất than trên cơ sở tận dụng tối đa hiện trạng, đảm bảo phù hợp với cơ sở hạ tầng Quốc Gia và Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng của các địa phương, nhằm đáp ứng các yêu cầu về sản xuất, chế biến, vận tải, tiêu thụ than của Tập đoàn, đảm bảo hiệu quả kinh tế và thân thiện môi trường.

+ Công tác vận tải than từ sân công nghiệp các mỏ đến các cơ sở sàng tuyển, kho than tập trung, các hộ tiêu thụ lớn trong khu vực và đến các cảng xuất than sử dụng bằng băng tải hoặc đường sắt. Chấm dứt vận tải than bằng ô tô trong hệ thống vận tải ngoài.

+ Đầu tư cải tạo và xây dựng mới các cảng than nội địa để phục vụ xuất, nhập, pha trộn than với công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện môi trường đảm bảo hiệu quả sản xuất, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ than trong nước và xuất khẩu.

- Các cảng đầu mối nhập khẩu, trung chuyển than: quy hoạch các kho, cảng đầu mối phục vụ nhập khẩu, trung chuyển và cung ứng than theo từng khu vực (phía Bắc và phía Nam) phù hợp với nhiệm vụ của TKV theo từng giai đoạn phát triển với hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ logistics đồng bộ, đáp ứng các tầu có trọng tải từ 50.000 tấn-100.000 tấn, đồng thời phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

*đ) Cung cấp điện phục vụ sản xuất và kinh doanh than:*

Đầu tư cải tạo nâng cấp hoặc đầu tư hệ thống cung cấp điện mới đảm bảo yêu cầu cấp điện ổn định, an toàn theo theo quy định hiện hành.

***2. Định hướng phát triển công nghiệp khoáng sản - luyện kim***

***a) Thăm dò:***

*\* Giai đoạn 2021 - 2030:*

- Thực hiện 04 Đề án thăm dò mỏ bô xít mới tại tại tỉnh Đăk Nông Lâm Đồng: Đề án thăm dò khu vực GN2-1, huyện Đắk Rlấp với mục tiêu trữ lượng 6,5 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Nhân Cơ; Đề án thăm dò mỏ Đông Nam Quảng Sơn với mục tiêu trữ lượng 52,2 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Đăk Nông 2; Đề án thăm dò khu Di Linh - Đinh Trang Thượng, huyện Bảo Lâm và huyện Di Linh với mục tiêu trữ lượng là 35,8 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Lâm Đồng 1; Đề án thăm dò khu vực Lộc Lâm - Lộc Phú, huyện Bảo Lâm với mục tiêu trữ lượng là 31,4 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Lâm Đồng 1.

- Thăm dò các mỏ chì - kẽm: 05 đề án gồm thăm dò mở rộng, xuống sâu khu mỏ kẽm chì Chợ Điền (giai đoạn 1), thăm dò mới khu mỏ kẽm chì Đầm Vạn tại tỉnh Bắc Kạn; mở rộng khu mỏ kẽm chì Cúc Đường (giai đoạn 1), mở rộng khu mỏ chì kẽm Lang Hít (giai đoạn 1), thăm dò mới khu mỏ Núi Tèn tỉnh Thái Nguyên.

- Thăm dò các mỏ đồng: thăm dò 09 đề án gồm mở rộng khu mỏ đồng Sin Quyền; mở rộng, xuống sâu khu mỏ đồng Vi Kẽm; mở rộng, xuống sâu khu mỏ đồng Tả Phời; thăm dò mới các mỏ: khu Đông Nam mỏ đồng Sin Quyền (giai đoạn 1), khu mỏ đồng Lùng Thàng (giai đoạn 1), khu mỏ đồng Nậm San, khu mỏ đồng Nậm Mít - Nậm Chạc (giai đoạn 1) tại tỉnh Lào Cai; thăm dò mới mỏ San Luông (giai đoạn 1) tỉnh Sơn La và xem xét thăm dò khu mỏ Kon Rá (giai đoạn 1) tại tỉnh Kon Tum.

- Thăm dò mở rộng mỏ sắt Kíp Tước tại tỉnh Lào Cai để phục vụ sản xuất của Nhà máy gang thép Cao Bằng.

- Thăm dò mở rộng khu mỏ thiếc Phục Linh (giai đoạn 1), thăm dò nâng cấp, mở rộng mỏ thiếc bismut Tây Núi Pháo tại tỉnh Thái Nguyên để có nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất của các nhà máy luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư thăm dò các mỏ khoáng sản mới trong và ngoài nước để chuẩn bị nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất.

*\*\* Giai đoạn 2031-2045:*

- Xem xét thăm dò các mỏ bô xít mới để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất sau năm 2030 của TKV:

+ Tại tỉnh Đăk Nông: Đăk Sin - Đăk Ru, huyện Đăk R'Lắp; Quảng Khê - Đăk Som, huyện Đăk Glong; Quảng Thuận, huyện Đăk R'Lắp; Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa; Khu vực ĐS-1 và ĐS-2 thuộc huyên Đắk Song và huyện Đắk Mil.

+ Tại tỉnh Lâm Đồng: Bảo Lộc, TP Bảo Lộc, Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm; Đăm b'ri, huyện Đạ Têh; Triệu Hải, huyện Đạ Teeh và huyện Đạ Huoai; Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm và huyện Đạ Têh.

- Thăm dò các mỏ chì - kẽm: thăm dò mở rộng, xuống sâu khu mỏ kẽm chì Chợ Điền (giai đoạn 2), thăm dò khu mỏ kẽm chì Đầm Vạn (giai đoạn 2) tại tỉnh Bắc Kạn; mở rộng khu mỏ kẽm chì Cúc Đường (giai đoạn 2), mở rộng khu mỏ chì kẽm Lang Hít (giai đoạn 2) tỉnh Thái Nguyên để cung cấp bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ các nhà máy luyện chì - kẽm do TKV quản lý.

- Thăm dò các mỏ đồng: tiếp tục thăm dò mở rộng mỏ Lùng Thàng, Sin Quyền (giai đoạn 2), Vi Kẽm (giai đoạn 2), khu Đông Nam mỏ đồng Sin Quyền, Nậm Mít - Nậm Chạc tỉnh Lào Cai, mỏ San Luông tỉnh Sơn La, mỏ Kon Rá tỉnh Kon Tum.

- Thăm dò nâng cấp trữ lượng (thăm dò bổ sung) khu mỏ sắt Nà Rụa tại Cao Bằng để phục vụ sản xuất của Nhà máy gang thép Cao Bằng.

- Thăm dò mở rộng khu mỏ thiếc Nậm Kép tỉnh Cao Bằng, tiếp tục thăm dò mở rộng mỏ Phục Linh và tiểu khu phía Nam - khu Tây Núi Pháo tỉnh Thái Nguyên để có nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất của các nhà máy luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.

- Thăm dò nâng cấp, chuyển đổi trữ lượng quặng cromit khu Tinh Mễ - An Thượng huyện Triệu Sơn và huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa.

- Thăm dò mới mỏ ti tan mỏ Lương Sơn III tại Bình Thuận để bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất.

- Thăm dò mở rộng và nâng cấp trữ lượng mỏ đất hiếm Đông Pao, mỏ Thèn Thầu tỉnh Lai Châu, để bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất.

***b) Khai thác - chế biến:***

* *Đối với khoáng sản bô-xít:*

+ Ưu tiên thực hiện đầu tư mở rộng nâng công suất 02 Tổ hợp alumin Tân Rai - Lâm Đồng và Nhân Cơ - Đắk Nông hiện có lên khoảng 2,0 triệu tấn/năm/Tổ hợp; chuẩn bị và thực hiện đầu tư 01 nhà máy điện phân nhôm mới tại Đắk Nông với công suất khoảng 0,5-1,0 triệu tấn nhôm/năm; chuẩn bị đầu tư 01 Tổ hợp bôxít - alumin mới tại Đắk Nông với công suất khoảng 2,0 triệu tấn alumin/năm (Cụm Đắk Nông 2) giai đoạn 2021 - 2030;

+ Giai đoạn 2031 - 2045: Thực hiện đầu tư 01 Tổ hợp bôxít - alumin mới (Cụm Đắk Nông 2); xem xét đầu tư nhà máy alumin Đắk Nông 3 sau khi các dự án luyện nhôm đi vào sản xuất; các nhà máy alumin còn lại (Đắk Nông 4, Đắk Nông 5, Lâm Đồng 2, Lâm Đồng 3) sẽ xem xét đầu tư sau khi thăm dò, phê duyệt nguồn trữ lượng đảm bảo thời gian hoạt động có hiệu quả các nhà máy và khi thị trường, hạ tầng cho phép.

- *Đối với khoáng sản đồng*:

+ Duy trì các mỏ (Sin Quyền, Tả Phời, Vi Kẽm), các nhà máy tuyển (Sin Quyền 1, Quyền 2, Tả Phời), luyện đồng (Tằng Lỏong, Bản Qua) hiện có với sản lượng ≥ 30.000 tấn đồng cathode/năm; xem xét đầu tư nhà máy chế biến sâu (sử dụng khoảng 10.000 tấn đồng cathode/năm) tại Lào Cai tạo ra các sản phẩm dân dụng hoặc công nghiệp phù hợp với thị trường nhằm nâng cao chuỗi giá trị gia tăng.

+ Tổ chức thực hiện đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên liệu từ các mỏ quặng đồng khác ở trong nước, cũng như nhập khẩu tinh quặng đồng để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, lâu dài cho các nhà máy luyện đồng đã đầu tư xây dựng.

+ Đầu tư mở rộng, xuống sâu các mỏ hiện có (Sin Quyền, Tả Phời, Vi Kẽm) và phát triển các mỏ mới: Lùng Thàng, Nậm Mít - Nậm Chạc, Nậm San, Phần sâu & Đông Nam (Phân vùng III-IV) Sin Quyền tỉnh Lào Cai, mỏ San Luông tỉnh Sơn La, mỏ Kon Rá tỉnh Kon Tum.

* *Đối với khoáng sản sắt*:

+ Duy trì hoạt động của nhà máy gang thép Cao Bằng với công suất 220 tấn phôi thép/năm.

+ Tiếp tục kiến nghị với Đảng, Chính phủ, các Bộ ngành để được cho phép tái khởi động Dự án khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê (đã được cấp phép khai thác) và tập trung mọi nguồn lực để triển khai dự án khi được chấp thuận; xem xét đầu tư nhà máy sản xuất phôi thép tại Hà Tĩnh (công suất 2,0 triệu tấn/năm) sử dụng nguyên liệu từ mỏ Thạch Khê; đẩy mạnh công tác đền bù - GPMB để sớm đưa khu Bắc mỏ Nà Rụa vào sản xuất; mở rộng, xuống sâu các mỏ Nà Rụa tỉnh Cao Bằng, Kíp Tước tỉnh Lào Cai và sớm đưa mỏ Làng Vinh - Làng Cọ vào khai thác.

*- Đối với khoáng sản chì*, *kẽm:*

+ Duy trì sản xuất các mỏ, các xưởng tuyển tại Chợ Điền, Làng Hít, Cúc Đường đã đầu tư; xem xét đầu tư Nhà máy điện phân kẽm Bắc Kạn (công suất 15.000 tấn/năm) theo hướng thay thế nhà máy điện phân kẽm hiện có tại Thái Nguyên và đầu tư nhà máy luyện chì kim loại Chợ Điền (công suất 5.000 tấn/năm) phục vụ công tác chế biến nguồn quặng khai thác từ các mỏ sau khi thăm dò nâng cấp, mở rộng.

+ Đầu tư khai thác mở rộng, xuống sâu các mỏ hiện có: Chợ Điền - Bắc Kạn, Làng Hít, Cúc Đường - Thái Nguyên và phát triển các mỏ mới: Đầm Vạn - Bắc Kạn, Núi Tèn - Thái Nguyên.

* *Đối với quặng thiếc*:

+ Duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả các khu mỏ, bãi thải đã được cấp phép khai thác tận thu, xưởng luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.

+ Đầu tư mở rộng, xuống sâu các mỏ hiện có (Tây Nam Núi Pháo, Phục Linh tỉnh Thái Nguyên) và phát triển mỏ mới Nậm Kép tỉnh Cao Bằng.

* *Đối với quặng cromit*:

+ Đầu tư khai thác và tuyển quặng cromit mỏ Cổ Định - Thanh Hóa để cung cấp cho nhà máy sản xuất ferocrom đã đầu tư.

* *Đối với quặng titan*: Đầu tư khai thác quặng sa khoáng titan - zircon tại khu vực Lương Sơn I, huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận; đồng thời tìm kiếm đối tác trong nước và ngoài nước có năng lực công nghệ, tài chính để hợp tác triển khai đầu tư các dự án chế biến sâu nghiền zircon siêu mịn; xỉ titan; pigment; titan xốp/titan kim loại tại tỉnh Bình Thuận đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm chế biến từ titan ở trong nước và xuất khẩu.
* *Đối với quặng đất hiếm*:

+ Tiếp tục tìm kiếm đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác khai thác chế biến đất hiếm mỏ Đông Pao, huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu; Xem xét đầu tư khai thác đất hiếm tại mỏ Mường Hum, Lào Cai sau khi Nhà máy chế biến quặng đất hiếm Đông Pao hoạt động hiệu quả.

***c) Cơ sở hạ tầng:***

- Tổ chức hệ thống vận tải ngoài mỏ và tiêu thụ sản phẩm phù hợp với đặc thù vị trí của từng khu vực sản xuất, trên cơ sở tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng Quốc gia và từng địa phương nhằm đáp ứng các yêu cầu về sản xuất, vận tải, tiêu thụ và BVMT.

- Tổ chức hệ thống vận tải trong mỏ: sử dụng hình thức vận chuyển ô tô và vận tải kết hợp ô tô - băng tải để vận chuyển quặng nguyên khai từ khai trường về nhà máy tuyển và vận chuyển quặng tinh từ nhà máy tuyển đến các nhà máy chế biến trên cơ sở đầu tư duy trì, cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông vận tải hiện có và đầu tư mới để đáp ứng yêu cầu.

- Cải tạo hoặc xây dựng mới các mặt bằng, sân công nghiệp phù hợp với các dự án khai thác, chế biến theo hướng tập trung, hiện đại theo tổ hợp khép kín nhằm cải thiện điều kiện làm việc của người lao động và bảo vệ môi trường. Đối với vị trí xây dựng mới mặt bằng sân công nghiệp mỏ, nhà máy tuyển, nhà máy luyện cần đáp ứng khả năng cung cấp nguyên liệu, điều kiện giao thông, cấp điện, cấp nước, … thuận lợi.

- Duy trì và đầu tư hạ tầng các khu phục vụ, phụ trợ (bao gồm cả các khu công nhân, công trình phúc lợi công cộng…) đảm bảo phục vụ sản xuất và kết nối, phù hợp với định hướng phát triển của địa phương tạo sự gắn kết, phát triển một cách đồng bộ, bền vững chung cho toàn xã hội.

***d) Tái định cư, định canh cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương***

- Phát triển doanh nghiệp gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện ổn định chỗ ở, hỗ trợ phát triển bền vững sản xuất cho người dân (tái định cư, định canh) vùng hoạt động của các dự án (đối với các dự án cần thực hiện).

- Ưu tiên thực hiện tái định cư, định canh tại các khu vực đã kết thúc khai thác, đổ thải nếu đáp ứng được yêu cầu.

- Công tác tái định cư, định canh đối với người dân được thực hiện phải đảm bảo:

+ Phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện.

+ Phù hợp, đồng bộ, đảm bảo đáp ứng hài hòa, bền vững giữa hiệu quả chung trong hoạt động sản xuất của TKV và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Phù hợp với đời sống, văn hóa, tập quán sinh hoạt của từng địa phương.

+ Phù hợp với các điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu ….của các khu vực.

***3. Định hướng cụ thể phát triển công nghiệp điện***

***a) Định hướng đầu tư phát triển:***

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với năng lực tài chính của ĐLTKV và phù hợp với chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam;

- Duy trì các nguồn điện than để tận dụng than nhiệt trị thấp, mở rộng phát triển các nguồn NLTT hướng tới đa dạng hóa nguồn điện, giảm phát thải khí nhà kính; phát triển bền vững.

- Tập trung nguồn lực đầu tư dự án NMNĐ Na Dương 2 và Dự án điện mặt trời trên mặt hồ thuỷ điện Đồng Nai 5.

- Đầu tư một số dự án NLTT, các dự án điện mặt trời áp mái tại các văn phòng, trụ sở tại các đơn vị của TKV... kết hợp với Nhiệt điện than hiện có, trong đó tập trung vào dự án điện mặt trời, điện gió tại Tây Nguyên tại các khu vực đã hoàn thành việc khai thác bô xít của Tập đoàn dần hình thành các tổ hợp công nghiệp Than (NLTT) - Điện - Alumin, nhôm.

- Xây dựng các biện pháp kiểm soát khí nhà kính và đề xuất lộ trình áp dụng các biện pháp kiểm soát khí nhà kính.

***b) Định hướng gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh điện:***

- Công tác vận hành:

+ Tối ưu hóa hoạt động, tối ưu hóa nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp để vận hành nhà máy ổn định, tin cậy, an toàn, đạt hiệu quả cao nhất;

+ Đẩy mạnh đầu tư cải tạo, nâng cấp, đổi mới, cải tiến thiết bị để nâng cao hiệu suất nhà máy.

- Công tác thị trường:

 + Khai thác triệt để các cơ hội thị trường để tối đa hoá lợi nhuận bằng chiến lược chào giá.

 + Tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh sau năm 2025, bước đầu là các nhà máy điện của TKV có thể bán điện đầu vào trực tiếp cho các Hộ tiêu thụ lớn trong Tập đoàn để tối ưu hoá nguồn lực.

***c) Định hướng phát triển dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng (SCBD):***

Phát triển lĩnh vực dịch vụ SCBD chuyên nghiệp, chủ động, kịp thời, giảm chi phí trong hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, trước hết cho các nhà máy điện của TKV, tiến tới tham gia, cạnh tranh cung cấp dịch vụ SCBD cho các nhà máy điện khác bằng giá thành hợp lý và chất lượng cao với phương châm Điều hành tập trung - Nguồn lực phân tán.

***4. Định hướng phát triển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất:***

***a) Định hướng phát triển sản phẩm:***

- Tiếp tục phát triển sản phẩm cốt lõi là vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và chuỗi sản phẩm dịch vụ làm thế mạnh phát triển bền vững; tạo lập, dẫn dắt, điều chỉnh chủng loại sản phẩm trong thị trường nội địa theo hướng thân thiện với môi trường, tham gia có trách nhiệm về quản lý nhà nước trong lĩnh vực được phân công.

- Phát triển bền vững, kết hợp hài hòa các lợi ích chính trị, kinh tế, xã hội và thân thiện với môi trường, có cơ cấu sản phẩm hoàn chỉnh đáp ứng được nhu cầu trong nước và hướng đến xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

- Phát triển đồng bộ ngành vật liệu nổ công nghiệp từ khâu nguyên liệu đến khâu dịch vụ nổ mìn theo hướng hiện đại, an toàn và hiệu quả.

- Nhóm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp có chứa TNT: không phát triển thêm. Đến năm 2025, thuốc nổ có chứa TNT chỉ sử dụng không quá 3% tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong cả nước.

- Nhóm sản phẩm VLNCN phục vụ khai thác lộ thiên: đầu tư các xe sản xuất, nạp thuốc nổ di động nhằm tăng khả năng cơ giới hóa, đồng bộ hóa trong lĩnh vực khai thác mỏ; hiện đại hóa các dây chuyền công nghệ hiện có, đổi mới công nghệ, nâng cấp chất lượng các loại thuốc nổ công nghiệp và phụ kiện nổ theo hướng thân thiện với môi trường. Nghiên cứu sử dụng kíp nổ điện tử trong nổ mìn lộ thiên,..

- Nhóm sản phẩm VLNCN phục vụ khai thác trong hầm lò: phát triển các sản phẩm thuốc nổ công nghiệp theo hướng an toàn cao để nổ mìn trong các mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan cao đến siêu hạng, tăng sức công phá đối với các loại thuốc nổ an toàn cấp P1-P3, giảm khói, khí bụi và sản phẩm có kích thước phi tiêu chuẩn phục vụ khai thác trong các mỏ có yêu cầu đặc biệt như mỏ vàng, kim loại; phát triển VLNCN dùng trong công trình ngầm; nghiên cứu sử dụng các sản phẩm phụ kiện nổ công nghiệp trong hầm lò đáp ứng yêu cầu đặc biệt như nhiều số vi sai, độ bền kéo, va đập, độ tin cậy khi các mỏ hầm lò khai thác ngày càng sâu, địa hình phức tạp.

- Nhóm nguyên liệu chính sản xuất VLNCN: sản phẩm Amoni Nitrat (NH4NO3) do MICCO sản xuất đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Nghiên cứu sản xuất phân bón để phát huy hiệu quả và đảm bảo môi trường của các Nhà máy Amoni Nitrat, Amoniac.

- Phát triển sản xuất một số loại tiền chất thuốc nổ khác như: Natri Nitrat (NaNO3)... phục vụ ngành VLNCN.

- Nghiên cứu sản xuất, ứng dụng thay thế dần nguyên liệu, vật tư đang nhập khẩu (NH3...) để phục vụ cho các dây chuyền sản xuất: Amoni Nitrat, NTHL, NTR…; chế tạo thiết bị thay thế thiết bị nhập khẩu: máy nổ mìn, đồng hồ đo điện trở kíp, thiết bị trộn nạp thuốc nổ di động, bình tự cứu cá nhân, bình tự cứu độc lập cách ly, pin mặt trời phục vụ chiếu sáng tại các kho (các đơn vị phía nam)…

- Đầu tư sản xuất một số sản phẩm hóa chất cơ bản dùng trong công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, hóa dầu; công nghiệp xử lý nước, sản xuất chất tẩy rửa và một số sản phẩm phụ trợ khác cho nông nghiệp,...

***b) Định hướng phát triển thị trường:***

- Củng cố, phát triển và chiếm lĩnh tối đa thị trường cung ứng VLNCN, dịch vụ nổ mìn trong nước.

- Là nhà cung cấp chủ yếu về nguyên liệu, tiền chất thuốc nổ để sản xuất VLNCN trong nước.

- Duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm VLNCN, xuất khẩu tiền chất thuốc nổ ra các nước trong khu vực.

***5. Định hướng phát triển các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ khác***

***1) Cơ khí***

*a/ Về sản phẩm:*

- Tập trung mọi nguồn lực để thỏa mãn tối đa nhu cầu sản phẩm dùng trong các lĩnh vực sản xuất than, khoáng sản, nhiệt điện và hóa chất. Trong đó trọng tâm là các thiết bị khai thác hầm lò, sàng tuyển, chế biến sâu các khoáng sản theo các kế hoạch, định hướng chung của TKV.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các đơn vị sản xuất trong TKV; đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa các quá trình sản xuất của các đơn vị trong TKV. Chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu thiết kế, chế tạo và thử nghiệm sản phẩm. Tận dụng tốt nhất chính sách ưu đãi của Nhà nước trong nghiên cứu triển khai. Gắn nghiên cứu với sản xuất, đẩy mạnh và ưu tiên nghiên cứu ứng dụng, gắn kết việc phát triển sản phẩm với công tác nghiên cứu KHCN.

*b/ Về thị trường và cạnh tranh:*

- Xác định thị trường trong TKV là thị trường chính để cung cấp, nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh phân công chuyên môn hóa, hợp tác hóa, hạn chế tối đa sự chồng chéo trong Cơ khí TKV. Tăng cường sức mạnh tổng hợp, đặc biệt trong nghiên cứu thiết kế, chế tạo sản phẩm mới.

- Đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, gắn nghiên cứu thị trường với phát triển sản phẩm. Mở rộng thị trường trong và ngoài nước, từng bước có kế hoạch xuất khẩu sản phẩm ra khu vực. Đầu tư hợp lý cho xây dựng thương hiệu TKV và Marketing quảng bá thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế.

*c/ Về phát triển công nghệ:*

- Tăng cường tiếp cận kỹ thuật và công nghệ cao, ứng dụng tự động hóa và tin học hóa vào quá trình sản xuất và quản lý một cách hợp lý.

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về điều khiển để tự động hóa các dây chuyền sản xuất.

- Nâng cao mức độ tự động hóa các thiết bị do Cơ khí TKV chế tạo và cung ứng.

*d/ Về liên kết và đầu tư phát triển:*

- Tăng cường liên kết chặt chẽ với các đơn vị sản xuất, chế biến, vận tải than, khoáng sản trong TKV để nắm bắt nhu cầu, xây dựng niềm tin, tăng tỷ trọng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ do Cơ khí TKV cung cấp. Mở rộng liên kết với các doanh nghiệp bên ngoài TKV để khai thác thị trường trong nước. Tham gia các chương trình hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, tham gia chế tạo sản phẩm trong chuỗi cung ứng của ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Củng cố mối quan hệ, tăng mức độ tín nhiệm với một số ngân hàng, bảo đảm nguồn tín dụng cần thiết. Mở rộng liên kết các nhà cung ứng nguyên vật liệu có uy tín, đảm bảo nguồn cung vật tư trong sản xuất.

- Đầu tư đổi mới công nghệ trang thiết bị hiện đại, tiên tiến trong các khâu gia công chủ lực của công đoạn sản xuất chính; đầu tư hợp lý cho duy trì sản xuất và nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới mang thương hiệu “*Cơ khí TKV*”.

***2) Vật liệu xây dựng***

Phát triển VLXD thành một trong những ngành sản xuất kinh doanh có tốc độ tăng trưởng phù hợp, có hiệu quả, tập trung chủ yếu vào các sản phẩm nằm trong chuỗi sản xuất của để phục vụ tốt cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của TKV và kinh tế cả nước, đồng thời tuân thủ nguyên tắc sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu tối đa rác thải độc hại, tái sử dụng các nguồn chất thải và đảm bảo lợi ích xã hội.

***3) Xây dựng các công trình***

*a/ trên mặt mỏ:*

- Xây dựng các công trình vận tải (đường bộ, băng tải, bến cảng); cấp điện; cấp nước; thoát nước...; các công trình kho xưởng, nhà máy sàng tuyển chế biến, nhà máy luyện... phục vụ khai thác, chế biến sản phẩm; các công trình phúc lợi công cộng về nhà ở, y tế; các công trình bảo vệ môi trường như (công trình xử lý nước thải, khí thải; công trình thu gom và xử lý rác thải; hệ thống đê, đập, hồ môi trường; trồng rừng và chăm sóc rừng,...).

- Đầu tư phát triển lực lượng xây lắp chuyên ngành mỏ trở thành nhà tổng thầu về xây dựng, cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu xây dựng. Tập trung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất và hiện đại hóa Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin mang thương hiệu, có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, nhằm tham gia các dự án của TKV và tham gia đầu tư một số dự án hạ tầng quốc gia và một số dự án hạ tầng hợp tác với các địa phương. Theo đó các giải pháp cụ thể như sau:

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ thông tin, tự động hóa, đầu tư các thiết bị xây lắp chuyên dùng, cơ giới hóa, tự động hóa ở các khâu sản xuất.

+ Nguồn nhân lực: đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công tác nghiên cứu, thiết kế, đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tự động hóa... để đáp ứng trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm nâng cao hiệu lực, chất lượng, hiệu quả và giảm lao động gián tiếp, giảm chi phí quản lý.

+ Nghiên cứu áp dụng các vật liệu xây dựng mới, vật liệu hiện có (đất đá thải mỏ, tro xỉ than, bùn đỏ, quặng đuôi...)... để giảm giá thành xây dựng và bảo vệ môi trường.

*b/ trong hầm lò:*

- Tiếp tục triển khai cơ giới hóa đào lò theo tiêu chí dựa trên điều kiện đường lò có tiết diện nhỏ tập trung nghiên cứu áp dụng các máy đào lò dạng nhẹ hoặc siêu nhẹ kết hợp hệ thống vận tải tại gương đồng bộ. Đối với thiết bị cơ giới hóa công đoạn, ưu tiên nghiên cứu áp dụng các loại thiết bị khoan, xúc đa năng.

- Xây dựng các giải pháp để chủ động hơn về vật tư thay thế, như: phân loại, xác định các vật tư bắt buộc dự phòng, vật tư phải thay thế thường xuyên để xây dựng định mức dự phòng phù hợp; sử dụng các dây chuyền CGH tương tự để tăng khả năng lắp lẫn giữa các dây chuyền, qua đó tăng nguồn dự phòng vật tư của các đơn vị trong TKV và giảm chi phí.

- Cải thiện công tác khoan nổ mìn, giảm hệ số thừa tiết diện. Tiếp tục áp dụng, hoàn thiện công nghệ chống giữ lò bằng vì neo. Nghiên cứu áp dụng đa dạng vật liệu chống neo, cụ thể là neo phi kim áp dụng cho các đường lò chuẩn bị khai thác đào trong than. Mục tiêu đến 2030 số lượng mét lò chống neo đạt 15% tổng khối lượng mét lò đào. Nghiên cứu áp dụng kết cấu chống BTCT đúc sẵn, áp dụng thi công đường lò trong đá qua các vùng địa chất yếu, mục tiêu sau 2025 có thể đưa vào áp dụng.

- Từng bước làm chủ trong công tác thiết kế và thi công giếng đứng.

***4) Nghiên cứu khoa học, tư vấn đầu tư, thiết kế:***

Nâng cao vai trò của các đơn vị nghiên cứu, tư vấn đầu tư, tư vấn thiết kế xây dựng đủ mạnh để thực hiện các công trình nghiên cứu có chất lượng, có giá trị ứng dụng cao, công tác tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế, giám sát, quản lý dự án tất cả các công trình khai thác, chế biến than - khoáng sản trong ngành. Các đơn vị tư vấn, nghiên cứu cần đi đầu trong ứng dụng KHCN làm đầu mối hợp tác với nhà thầu nước ngoài thực hiện các công trình quy mô lớn, phức tạp, tiến tới tự thực hiện thiết kế được tất cả các công trình mỏ khoáng sản, luyện kim.